

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **81/2020/HS-ST**
Ngày 01/7/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Duy Khoa**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Văn Xuyên**.

Ông **Nguyễn Văn Vĩ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thu Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Loan** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Xuân S**, sinh năm 1983 tại Hà Nội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã P, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Gia Q (đã chết) và bà Phan Thị N; Gia đình có 04 chị, em: Bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1983 (Đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2006; Danh chỉ bản số 178 lập ngày 20/02/2020 của Công an huyện Sóc Sơn; Tiền sự: Không có; Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 271/2009/HSST ngày 21/12/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ra trại ngày 30/8/2013 (Bản án chưa được xóa); Nhân thân: Ngày 04/3/2004, bị cáo đã có hành vi Gây rối trật tự công cộng và bị Công an Đồn Sân bay quốc tế Nội Bài lập danh chỉ bản; Tạm giữ: Từ ngày 16/02/2020 đến 19/02/2020; Tạm giam: Từ ngày 19/02/2020 đến nay. Có mặt.

*** Bị hại:**

1. Ông **Nguyễn Duy L**, sinh năm 1960; nơi cư trú: Khôi x, xã P, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1969; nơi cư trú: Khối x, xã P, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. (Vợ ông L). Vắng mặt. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/12/2013, Phạm Xuân S (sinh năm 1983, ở thôn Đ, xã P, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội) ký Hợp đồng thuê 01 xe ô tô VIOS BKS 29A-xxxxx của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969, chồng là ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1960, ở khối x, xã P, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Thời hạn thuê 03 ngày (từ ngày 14/12/2013 đến ngày 18/12/2013), giá thuê 2.700.000 đồng. Ông L giao xe và các loại giấy tờ (01 đăng ký xe ô tô bản công chứng, 01 sổ đăng kiểm xe ô tô, 01 giấy bảo hiểm xe) cho Sơn. S đặt cọc cho ông L 9.000.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu của S. Đến hẹn không thấy S mang trả xe, ông L điện thoại cho S thì được biết S đã mang xe ô tô của ông đi cầm cố. Ông L đã cho S thời gian thu xếp tiền lấy xe trả cho ông nhưng S nhấn tin khất lần không trả xe ô tô cho ông và có dấu hiệu bỏ trốn. Do vậy, ông L làm đơn trình báo Công an huyện Sóc Sơn.

Quá trình điều tra làm rõ: Khoảng tháng 10 năm 2013, qua quen biết xã hội, Phạm Xuân S đã vay của bà Nguyễn Thị L1 (sinh năm 1948, trú tại thôn C, xã N, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) số tiền 35.000.000 đồng để đi xin việc làm. Nhưng sau đó, S không xin được việc. Đến hẹn trả tiền cho bà L1, S không có tiền trả nên đã nảy sinh ý định đi thuê xe ô tô tự lái để cầm cố cho bà L1 trừ nợ. Biết ông Nguyễn Duy L có dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái nên ngày 14/12/2013, Sơn đến cửa hàng nhà ông L thuê 01 xe ô tô VIOS, màu đen, BKS: 29A – xxxxx. Sau đó, S mang chiếc xe ô tô trên đến cầm cố cho bà L1 lấy 65.000.000 đồng, bà L1 trừ đi 35.000.000 đồng S đã vay trước đó và đưa cho S 30.000.000 đồng. Khi cầm cố tài sản, S không được cầm giấy tờ gì, không có người chứng kiến. Số tiền vay của bà L1, S đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày trả xe, ông L gọi điện nhiều lần yêu cầu S trả xe nhưng S không có khả năng trả nên đã bỏ trốn. Trong thời gian bỏ trốn, S không có vi phạm gì. Ngày 15/02/2020, S đến Công an tỉnh Hải Dương đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá tài sản số 34 ngày 19/02/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sóc Sơn kết luận: 01 xe ô tô du lịch 4 chỗ nhãn hiệu Toyota VIOS BKS 29A – xxxxx, sơn màu đen, sản xuất tại Việt Nam năm 2006, công suất 1.5, còn 50% giá trị so với mới, có giá: 400.000.000 đồng x 50% = 200.000.000 đồng.

Về tang vật của vụ án: Ngày 13/02/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Sóc Sơn thu giữ chiếc xe ô tô Toyota VIOS, màu đen, BKS: 29A - xxxxx do bà L1 giao nộp. Ngày 24/02/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả chiếc xe trên cho ông Nguyễn Duy L.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Duy L yêu cầu S bồi thường thiệt hại số tiền 36.000.000 đồng trong thời gian 70 ngày thuê xe, kể từ ngày 14/12/2013 đến ngày 24/02/2014.

Đối với việc bà Nguyễn Thị L1 nhận cầm cố chiếc xe ô tô trên của bị can S. Hiện nay, bà L1 đã chết. Quá trình điều tra, bà L1 có lời khai, S cầm cố xe để vay số tiền 120.000.000 đồng. Nhưng bà L1 không cung cấp giấy tờ vay tiền thể hiện việc bà cho S vay 120.000.000 đồng, không có người chứng kiến. S chỉ thừa nhận cầm cố xe ô tô của ông L để vay bà L1 số tiền 65.000.000 đồng. Hiện nay, bà L1 đã chết, không để lại di chúc. Sổ hộ khẩu gia đình của bà L1 thể hiện, bà L1 có 01 con trai là Tạ Văn T. Hiện nay, anh Tạ Văn T đang đi thi hành án phạt tù tại tỉnh Nghệ An. Ngoài ra, không có ai khác trong sổ hộ khẩu gia đình của bà L1. Ông Phạm Văn N có lời khai, ông và bà L1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn nhưng Giấy chứng nhận kết hôn đã bị cháy. Xác minh tại Công an xã Nam Hồng và Ủy ban nhân dân xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội nơi bà L1 có hộ khẩu thường trú, thì không có thông tin về bố mẹ đẻ của bà L1 và mối quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà L1. Do vậy, căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, tách phần dân sự liên quan đến số tiền bà L1 cho S vay để giải quyết theo thủ tố tụng dân sự khi các đương sự có yêu cầu.

Trong quá trình điều tra, Phạm Xuân S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của S phù hợp với biên bản người phạm tội ra đầu thú, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản tạm giữ tang vật, lời khai của người liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 18/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn đã truy tố bị cáo Phạm Xuân S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Xuân S khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại theo số tiền mà bị hại yêu cầu tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Duy L xác định lại số ngày và số tiền mất thu nhập trong thời gian từ ngày 14/12/2013 đến ngày 24/02/2014 là 73 ngày x 600.000 đồng = 43.800.000 đồng. Vợ chồng ông đã nhận của bị cáo số tiền đặt cọc khi thuê xe là 9.000.000 đồng nên số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho vợ chồng ông là 34.800.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo Phạm Xuân S về tội danh và điều luật như Cáo trạng

đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: Phạm Xuân S từ 08 năm đến 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/02/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng vì bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại về mức bồi thường. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Duy L số tiền 34.800.000 đồng.

Về giao dịch cầm cố vay tiền giữa bị cáo và bà Nguyễn Thị L1, do các bên không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình trong vụ án này nên tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi các đương sự có yêu cầu theo Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Ngày 14/12/2013, tại Khối 13, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Phạm Xuân S đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 01 chiếc xe ô tô VIOS Biển kiểm soát 29A-xxxxx của bà Nguyễn Thị H và chồng là ông Nguyễn D Lý (cùng nơi cư trú: Khối x, xã P, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội), tài sản bị cáo chiếm đoạt có trị giá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Hành vi của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015. Điều luật quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;”

...

Hành vi của bị cáo được thực hiện vào ngày 14/12/2013 khi Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được ban đầu, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Sóc Sơn đã khởi tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú và bị truy nã. Ngày 15/02/2020, bị cáo đã ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi, mục đích chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Duy L và bà Nguyễn Thị H. Ngày 05 tháng 5 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có Quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự số 04 về việc thay đổi Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 115 ngày 27 tháng 3 năm 2014 từ tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 sang tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại thời điểm thay đổi Quyết định khởi tố vụ án, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo Phạm Xuân S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và phù hợp với Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là tội phạm nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên vẫn cố ý thực hiện; bản thân bị cáo đã từng bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã trốn khỏi địa phương nơi cư trú và bị truy nã, gây cản trở cho công tác điều tra vụ án. Do vậy cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[3]. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Ngày 21/7/2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, trong thời gian chưa được xóa án tích, bị cáo tiếp tục cố ý phạm tội rất

ng nghiêm trọng nên lần phạm tội này của bị cáo được xác định là tái phạm nguy hiểm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đây là những căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Về nhân thân: Ngày 04/3/2004, bị cáo đã có hành vi Gây rối trật tự công cộng và bị Công an Đồn Sân bay quốc tế Nội Bài lập danh chỉ bản.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự như đã nêu trên; căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; căn cứ nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mất thu nhập từ việc cho thuê xe ô tô bị chiếm đoạt trong thời gian 73 ngày (từ ngày 14/12/2013 đến ngày 24/02/2014) x 600.000 đồng/ngày = 43.800.000 đồng. Giữa bị cáo và bị hại đã thống nhất được số tiền bồi thường thiệt hại trên.

Hành vi chiếm đoạt chiếc xe VIOS Biển kiểm soát 29A-xxxxxx của bị cáo đã gây tổn thất thực tế về tài sản và thu nhập cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Duy L nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 43.800.000 đồng. Căn cứ Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 43.800.000 đồng và được trừ vào số tiền 9.000.000 đồng mà bị cáo đã đặt cọc cho ông L. Nay, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho ông L, bà H số tiền 34.800.000 đồng.

Về giao dịch cầm cố xe để vay tiền giữa bị cáo Phạm Xuân S và bà Nguyễn Thị L1. Do các bên không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai và yêu cầu của mình về việc cầm cố xe, cho vay tiền. Hiện nay, bà L1 đã chết không để lại di chúc, những người thân thích của bà L1 không cung cấp được tài liệu về những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất

của bà L1 nên không có đủ chứng cứ để giải quyết giao dịch cầm cố xe để cho vay tiền giữa bị cáo S và bà L1. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn đã căn cứ vào quy định của Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, tách phần dân sự liên quan đến số tiền bà L1 cho bị cáo S vay để giải quyết theo thủ tục Tố tụng dân sự, khi các bên có yêu cầu là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Căn cứ Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hình phạt:

Xử phạt: **Phạm Xuân S 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/02/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Xuân S phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Duy L số tiền 34.800.000 đồng (Ba mươi tư triệu, tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.740.000 đồng (Một triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo và bị hại ông Nguyễn Duy L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- Công an huyện Sóc Sơn;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Duy Khoa